HỌC VIỆN HẬU CẦN

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
# ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG DÂN SỰ NVBS ĐỢT 1 NĂM 2016

**- Thí sinh trúng tuyển nộp Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2016 trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Bộ phận Tuyển sinh, Học viện Hậu cần, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Tp. Hà Nội. ĐT: 069.695.115. Thời gian: Từ ngày 01/9/2016 đến 17h00 ngày 09/9/2016 (tính theo dấu bưu điện).**

**- Thí sinh nhận Giấy báo nhập học trực tiếp tại trường khi đến làm thủ tục nhập học (xem Thông báo nhập học tại Website: hocvienhaucan.edu.vn).**

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐT ƯT | KV ƯT | Hộ khẩu - Tên tỉnh | Hộ khẩu - Tên Quận huyện | Ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm ƯT | Tổng điểm | Điểm trúng tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **I. ĐẠI HỌC DÂN SỰ** | | | | | | | | | | | |
| 1 | TDV017390 | TRẦN NGUYỄN QUANG THÔNG | 14/08/1998 | Nam | 04 | 2 | Hà Tĩnh | Huyện Can Lộc | D340201 | A00 | 2.5 | 26.2 | **26.25** |
| 2 | LPH000112 | NGUYỄN TRUNG ANH | 03/02/1997 | Nam | | 1 | Lào Cai | Huyện Bảo Thắng | D340201 | A00 | 1.5 | 23.45 | **23.5** |
| 3 | YTB008824 | LÊ THẢO NGUYÊN | 30/07/1998 | Nữ | | 2NT | Thái Bình | Huyện Đông Hưng | D340201 | A00 | 1 | 23.05 | **23** |
| 4 | DCN010921 | HOÀNG TÙNG SƠN | 17/04/1998 | Nam | | 2 | Nam Định | Thành phố Nam Định | D340201 | A00 | 0.5 | 22.5 | **22.5** |
| 5 | GHA005715 | NGUYỄN THỊ THU | 30/05/1996 | Nữ | 06 | 2NT | Bắc Ninh | Huyện Quế Võ | D340201 | A00 | 2 | 22.55 | **22.5** |
| 6 | TMA005505 | ĐINH THỊ THU TRANG | 16/09/1998 | Nữ | | 2NT | Hà Nam | Huyện Kim Bảng | D340201 | A00 | 1 | 21.65 | **21.75** |
| 7 | NTH003711 | LÊ THỊ THANH NHÀN | 27/11/1998 | Nữ | | 2 | Hải Dương | Huyện Ninh Giang | D340201 | A00 | 0.5 | 21.45 | **21.5** |
| 8 | TDL003329 | ĐỖ HUY HÙNG | 28/06/1998 | Nam | | 1 | Lâm Đồng | Thành phố Đà Lạt | D340201 | A00 | 1.5 | 21.3 | **21.25** |
| 9 | TND003554 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | 05/07/1998 | Nữ | | 2 | Thái Nguyên | Thành phố Thái Nguyên | D340201 | A00 | 0.5 | 20.7 | **20.75** |
| 10 | DHS013638 | NGUYỄN ĐỨC THÀNH | 01/06/1998 | Nam | | 2NT | Hà Tĩnh | Huyện Đức Thọ | D340201 | A00 | 1 | 20.85 | **20.75** |
| 11 | BKA002717 | HOÀNG TIẾN ĐỨC | 05/07/1998 | Nam | | 2 | Hà Nội | Huyện Gia Lâm | D340201 | A00 | 0.5 | 20.45 | **20.5** |
| 12 | HVN007327 | TRẦN QUANG PHÚ | 31/08/1998 | Nam | | 2NT | Hải Dương | Huyện Kinh Môn | D340201 | A00 | 1 | 20.6 | **20.5** |
| 13 | BKA001231 | NGUYỄN NGỌC ÁNH | 17/04/1998 | Nữ | | 3 | Hà Nội | Quận Hoàn Kiếm | D340201 | A00 | | 20.2 | **20.25** |
| 14 | NTH000391 | VŨ VĂN ANH | 22/05/1997 | Nam | 03 | 2 | Quảng Ninh | Thành phố Hạ Long | D340201 | A00 | 2.5 | 20.15 | **20.25** |
| 15 | HDT010658 | LÊ THỊ MAI | 26/04/1998 | Nữ | | 1 | Thanh Hoá | Huyện Vĩnh Lộc | D340201 | A00 | 1.5 | 20.1 | **20** |
| 16 | KQH009028 | HÀ TUẤN MINH | 01/04/1998 | Nam | | 3 | Hà Nội | Quận Tây Hồ | D340201 | A00 | | 20.1 | **20** |
| 17 | YTB011411 | TRẦN MẠNH THẾ | 21/09/1998 | Nam | | 2NT | Thái Bình | Huyện Vũ Thư | D340201 | A00 | 1 | 19.9 | **20** |
| 18 | NLS005151 | PHAN VĂN PHÚC | 27/02/1998 | Nam | | 1 | Gia Lai | Huyện Ia Grai | D340201 | A00 | 1.5 | 19.4 | **19.5** |
| 19 | HUI002477 | LÊ HUY ĐỨC | 29/08/1998 | Nam | | 2NT | Đồng Nai | Huyện Trảng Bom | D340201 | A00 | 1 | 19.3 | **19.25** |
| 20 | YTB005869 | NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG | 30/05/1998 | Nữ | | 2NT | Thái Bình | Huyện Thái Thụy | D340201 | A00 | 1 | 19.35 | **19.25** |
| 21 | SKH005360 | PHẠM THỊ PHƯỢNG | 14/11/1998 | Nữ | | 2NT | Hưng Yên | Huyện Yên Mỹ | D340201 | A00 | 1 | 19.05 | **19** |
| 22 | KQH006627 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG | 08/10/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Hoài Đức | D340201 | A00 | 0.5 | 18.85 | **18.75** |
| 23 | LNH004035 | VŨ THỊ NGỌC | 01/08/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Chương Mỹ | D340201 | A00 | 0.5 | 18.35 | **18.25** |

HỌC VIỆN HẬU CẦN

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
# ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG DÂN SỰ NVBS ĐỢT 1 NĂM 2016

**- Thí sinh trúng tuyển nộp Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2016 trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Bộ phận Tuyển sinh, Học viện Hậu cần, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Tp. Hà Nội. ĐT: 069.695.115. Thời gian: Từ ngày 01/9/2016 đến 17h00 ngày 09/9/2016 (tính theo dấu bưu điện).**

**- Thí sinh nhận Giấy báo nhập học trực tiếp tại trường khi đến làm thủ tục nhập học (xem Thông báo nhập học tại Website: hocvienhaucan.edu.vn).**

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐT ƯT | KV ƯT | Hộ khẩu - Tên tỉnh | Hộ khẩu - Tên Quận huyện | Ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm ƯT | Tổng điểm | Điểm trúng tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 24 | HDT006049 | HOÀNG THỊ HOA | 25/05/1998 | Nữ | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Hoằng Hóa | D340201 | A00 | 1 | 18.1 | **18** |
| 25 | YTB011613 | NGUYỄN THỊ THƠM | 30/03/1998 | Nữ | | 2NT | Thái Bình | Huyện Đông Hưng | D340201 | A00 | 1 | 17.8 | **17.75** |
| 26 | GHA000333 | VŨ HOÀNG ANH | 05/08/1998 | Nam | | 2NT | Bắc Ninh | Huyện Gia Bình | D340201 | A00 | 1 | 17.65 | **17.75** |
| 27 | SP2001136 | DƯƠNG MINH ĐỨC | 16/10/1998 | Nam | | 2 | Vĩnh Phúc | Thị xã Phúc Yên | D340201 | A00 | 0.5 | 17.5 | **17.5** |
| 28 | BKA008526 | NGUYỄN HUY PHONG | 07/05/1998 | Nam | | 3 | Hà Nội | Quận Long Biên | D340201 | A00 | | 17.5 | **17.5** |
| 29 | KQH009499 | TRẦN THÀNH NAM | 13/07/1997 | Nam | | 2 | Hà Nội | Huyện Sóc Sơn | D340201 | A00 | 0.5 | 17.05 | **17** |
| 30 | LNH002158 | TRẦN THỊ HÒA | 12/06/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Mỹ Đức | D340201 | A00 | 0.5 | 16.75 | **16.75** |
| 31 | TTN008451 | VŨ ĐÌNH NAM | 20/06/1998 | Nam | | 1 | Đắk Lắk | Huyện Krông Bông | D340201 | A00 | 1.5 | 16.8 | **16.75** |
| 32 | HDT008561 | PHÙNG VĂN KIÊN | 04/11/1997 | Nam | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Vĩnh Lộc | D340201 | A00 | 1 | 16.35 | **16.25** |
| 33 | HDT013197 | LÊ THU PHƯƠNG | 27/08/1996 | Nữ | | 1 | Thanh Hoá | Huyện Tĩnh Gia | D340201 | A00 | 1.5 | 15.7 | **15.75** |
| 34 | DTS001165 | NGUYỄN TRUNG NGUYÊN | 20/10/1998 | Nam | | 1 | Hà Giang | Huyện Bắc Quang | D340201 | A00 | 1.5 | 15.5 | **15.5** |
| 35 | KQH003477 | PHAN THỊ GIANG | 20/05/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Mê Linh | D340201 | A00 | 0.5 | 15.45 | **15.5** |
| 36 | HDT008596 | LÊ MAI XUÂN KÍNH | 07/04/1998 | Nam | | 2 | Thanh Hoá | Thành phố Thanh Hóa | D340201 | A00 | 0.5 | 15.05 | **15** |
| 37 | TMA005122 | NGUYỄN THỊ THU | 27/03/1997 | Nữ | | 2NT | Hà Nam | Huyện Bình Lục | D340201 | A00 | 1 | 15.1 | **15** |
| 38 | TLA010307 | HOÀNG MINH THẮNG | 04/09/1998 | Nam | | 3 | Hà Nội | Quận Đống Đa | D340201 | A01 | | 19.9 | **20** |
| 39 | YTB010984 | HÀ DIỆP THẢO | 16/09/1998 | Nữ | | 2NT | Thái Bình | Huyện Tiền Hải | D340201 | A01 | 1 | 18.7 | **18.75** |
| 40 | KQH012222 | TRẦN THỊ THANH TÂM | 10/10/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Mê Linh | D340201 | A01 | 0.5 | 17.88 | **18** |
| 41 | TDL001668 | LÊ ĐÌNH ĐẠI | 02/03/1998 | Nam | | 1 | Lâm Đồng | Huyện Đơn Dương | D340201 | A01 | 1.5 | 17.63 | **17.75** |
| 42 | SKH007011 | ĐỖ CHÍ TRUNG | 23/01/1998 | Nam | | 2NT | Hưng Yên | Huyện Yên Mỹ | D340201 | A01 | 1 | 17.85 | **17.75** |
| 43 | BKA011722 | KIỀU ANH TÚ | 04/12/1998 | Nam | | 2 | Hà Nội | Quận Long Biên | D340201 | A01 | 0.5 | 16.1 | **16** |
| 44 | TDV014986 | NGUYỄN MẠNH QUỲNH | 25/10/1998 | Nam | | 1 | Nghệ An | Huyện Thanh Chương | D340201 | A01 | 1.5 | 15.38 | **15.5** |
| 45 | YTB003338 | TRẦN THỊ THU HÀ | 13/03/1998 | Nữ | 04 | 2NT | Thái Bình | Huyện Tiền Hải | D340201 | A01 | 3 | 15 | **15** |
| 46 | SKH000993 | GIANG THỊ DUNG | 26/10/1998 | Nữ | | 2NT | Hưng Yên | Huyện Văn Giang | D340301 | A00 | 1 | 22.3 | **22.25** |
| 47 | TDV014567 | NGUYỄN ĐỨC QUÂN | 27/07/1998 | Nam | | 2NT | Nghệ An | Huyện Quỳnh Lưu | D340301 | A00 | 1 | 21.85 | **21.75** |

HỌC VIỆN HẬU CẦN

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
# ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG DÂN SỰ NVBS ĐỢT 1 NĂM 2016

**- Thí sinh trúng tuyển nộp Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2016 trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Bộ phận Tuyển sinh, Học viện Hậu cần, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Tp. Hà Nội. ĐT: 069.695.115. Thời gian: Từ ngày 01/9/2016 đến 17h00 ngày 09/9/2016 (tính theo dấu bưu điện).**

**- Thí sinh nhận Giấy báo nhập học trực tiếp tại trường khi đến làm thủ tục nhập học (xem Thông báo nhập học tại Website: hocvienhaucan.edu.vn).**

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐT ƯT | KV ƯT | Hộ khẩu - Tên tỉnh | Hộ khẩu - Tên Quận huyện | Ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm ƯT | Tổng điểm | Điểm trúng tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 48 | YTB008715 | NGUYỄN THỊ NGỌC | 06/06/1998 | Nữ | | 2NT | Thái Bình | Huyện Hưng Hà | D340301 | A00 | 1 | 21.6 | **21.5** |
| 49 | HTC000644 | NGUYỄN THỊ MINH HÀ | 29/08/1998 | Nữ | | 1 | Yên Bái | Huyện Yên Bình | D340301 | A00 | 1.5 | 21 | **21** |
| 50 | KHA008510 | NGUYỄN THỊ YẾN | 13/10/1998 | Nữ | 01 | 1 | Bắc Giang | Huyện Yên Thế | D340301 | A00 | 3.5 | 20.45 | **20.5** |
| 51 | TMA004243 | NGUYỄN QUANG PHƯƠNG | 24/04/1998 | Nam | | 2NT | Hà Nam | Thành phố Phủ Lý | D340301 | A00 | 1 | 20.6 | **20.5** |
| 52 | HDT017537 | HÀ HUYỀN TRANG | 24/01/1998 | Nữ | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Hà Trung | D340301 | A00 | 1 | 20.6 | **20.5** |
| 53 | HDT011170 | LÊ THỊ TRÀ MY | 02/05/1998 | Nữ | | 2 | Thanh Hoá | Thị xã Sầm Sơn | D340301 | A00 | 0.5 | 20.3 | **20.25** |
| 54 | BKA010689 | LÊ THỊ HÀ THÚY | 17/02/1996 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Gia Lâm | D340301 | A00 | 0.5 | 20.15 | **20.25** |
| 55 | HDT013962 | ĐỖ THỊ PHƯƠNG QUỲNH | 06/08/1998 | Nữ | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Hà Trung | D340301 | A00 | 1 | 20.25 | **20.25** |
| 56 | KHA000978 | NÔNG THỊ DIỄM | 19/12/1998 | Nữ | 01 | 1 | Bắc Giang | Huyện Lục Nam | D340301 | A00 | 3.5 | 20 | **20** |
| 57 | NLS002738 | TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN | 15/12/1998 | Nữ | | 1 | Gia Lai | Thành phố Pleiku | D340301 | A00 | 1.5 | 20.1 | **20** |
| 58 | BKA005923 | ĐẶNG THỊ LẬP | 21/09/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Phú Xuyên | D340301 | A00 | 0.5 | 19.95 | **20** |
| 59 | KQH004091 | TRẦN THỊ HẠNH | 28/06/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Đan Phượng | D340301 | A00 | 0.5 | 19.65 | **19.75** |
| 60 | SKH000739 | NGUYỄN THỊ LINH CHI | 28/12/1998 | Nữ | | 2NT | Nghệ An | Huyện Nam Đàn | D340301 | A00 | 1 | 19.8 | **19.75** |
| 61 | TDV005317 | NGUYỄN THỊ HẰNG | 10/01/1998 | Nữ | | 1 | Nghệ An | Huyện Thanh Chương | D340301 | A00 | 1.5 | 19.4 | **19.5** |
| 62 | SPH006315 | NGUYỄN THỊ HƯƠNG MAI | 14/02/1998 | Nữ | | 3 | Hà Nội | Quận Cầu Giấy | D340301 | A00 | | 19.1 | **19** |
| 63 | HDT012659 | VĂN THỊ NHUNG | 20/04/1998 | Nữ | | 2 | Thanh Hoá | Thị xã Sầm Sơn | D340301 | A00 | 0.5 | 18.95 | **19** |
| 64 | TTB002629 | ĐOÀN NGỌC TÚ | 14/12/1997 | Nam | | 2 | Sơn La | Huyện Sốp Cộp | D340301 | A00 | 0.5 | 19.05 | **19** |
| 65 | DCN005759 | ĐẶNG THỊ THU HUYỀN | 15/02/1998 | Nữ | | 2NT | Nam Định | Huyện Trực Ninh | D340301 | A00 | 1 | 18.9 | **19** |
| 66 | TDV014031 | ĐẶNG THỊ PHƯƠNG | 29/05/1998 | Nữ | | 1 | Nghệ An | Huyện Anh Sơn | D340301 | A00 | 1.5 | 18.65 | **18.75** |
| 67 | MDA001299 | NGUYỄN THỊ HÀ | 20/10/1998 | Nữ | | 1 | Ninh Bình | Huyện Kim Sơn | D340301 | A00 | 1.5 | 18.7 | **18.75** |
| 68 | HDT004313 | NGUYỄN THỊ GIANG | 20/03/1998 | Nữ | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Triệu Sơn | D340301 | A00 | 1 | 18.55 | **18.5** |
| 69 | HVN004233 | PHẠM THỊ HUYỀN | 06/07/1998 | Nữ | | 2NT | Hải Dương | Huyện Bình Giang | D340301 | A00 | 1 | 18.5 | **18.5** |
| 70 | NLS004403 | NGUYỄN HOÀNG NGỌC | 05/12/1998 | Nam | | 1 | Gia Lai | Thành phố Pleiku | D340301 | A00 | 1.5 | 18.25 | **18.25** |

HỌC VIỆN HẬU CẦN

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
# ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG DÂN SỰ NVBS ĐỢT 1 NĂM 2016

**- Thí sinh trúng tuyển nộp Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2016 trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Bộ phận Tuyển sinh, Học viện Hậu cần, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Tp. Hà Nội. ĐT: 069.695.115. Thời gian: Từ ngày 01/9/2016 đến 17h00 ngày 09/9/2016 (tính theo dấu bưu điện).**

**- Thí sinh nhận Giấy báo nhập học trực tiếp tại trường khi đến làm thủ tục nhập học (xem Thông báo nhập học tại Website: hocvienhaucan.edu.vn).**

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐT ƯT | KV ƯT | Hộ khẩu - Tên tỉnh | Hộ khẩu - Tên Quận huyện | Ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm ƯT | Tổng điểm | Điểm trúng tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 71 | HHA012246 | VŨ KIM OANH | 29/09/1998 | Nữ | | 1 | Hải Phòng | Huyện Thủy Nguyên | D340301 | A00 | 1.5 | 18.3 | **18.25** |
| 72 | HDT009539 | LƯU THÙY LINH | 08/05/1998 | Nữ | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Vĩnh Lộc | D340301 | A00 | 1 | 18.35 | **18.25** |
| 73 | DTK000670 | NGUYỄN MINH HIỆU | 28/03/1998 | Nam | 01 | 1 | Cao Bằng | Huyện Bảo Lạc | D340301 | A00 | 3.5 | 17.9 | **18** |
| 74 | BKA003679 | QUẢN GIA HÂN | 25/09/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Gia Lâm | D340301 | A00 | 0.5 | 18.1 | **18** |
| 75 | THV000392 | PHAN THỊ MINH ÁNH | 22/08/1998 | Nữ | | 1 | Phú Thọ | Huyện Đoan Hùng | D340301 | A00 | 1.5 | 17.65 | **17.75** |
| 76 | DCN004195 | VŨ THỊ HIÊN | 07/06/1998 | Nữ | | 2NT | Nam Định | Huyện Nam Trực | D340301 | A00 | 1 | 17.75 | **17.75** |
| 77 | DDF000687 | VŨ THỊ YẾN HOA | 20/07/1998 | Nữ | | 1 | Kon Tum | Thành phố Kon Tum | D340301 | A00 | 1.5 | 17.75 | **17.75** |
| 78 | TDV000736 | NGUYỄN THỊ VÂN ANH | 19/06/1998 | Nữ | | 1 | Nghệ An | Huyện Đô Lương | D340301 | A00 | 1.5 | 17.8 | **17.75** |
| 79 | TMA000788 | LÊ THỊ KIM DUNG | 13/04/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nam | Thành phố Phủ Lý | D340301 | A00 | 0.5 | 17.45 | **17.5** |
| 80 | HHA009022 | LÂM THỊ THÙY LINH | 14/05/1998 | Nữ | | 2 | Hải Phòng | Huyện An Dương | D340301 | A00 | 0.5 | 16.9 | **17** |
| 81 | HVN010523 | LÊ THỊ UYÊN | 17/08/1998 | Nữ | | 2NT | Hải Dương | Huyện Bình Giang | D340301 | A00 | 1 | 17.1 | **17** |
| 82 | MDA003753 | ĐÀO THỊ HỒNG NHUNG | 11/12/1998 | Nữ | | 2 | Ninh Bình | Huyện Hoa Lư | D340301 | A00 | 0.5 | 16.4 | **16.5** |
| 83 | NTH001639 | PHẠM THỊ HIỀN | 07/07/1998 | Nữ | | 1 | Quảng Ninh | Huyện Bình Liêu | D340301 | A00 | 1.5 | 15.95 | **16** |
| 84 | KQH015738 | LƯƠNG THỊ UYÊN | 24/08/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Sóc Sơn | D340301 | A00 | 0.5 | 15.85 | **15.75** |
| 85 | DCN010219 | VŨ THỊ PHƯƠNG | 18/07/1998 | Nữ | | 2NT | Nam Định | Huyện Nam Trực | D340301 | A00 | 1 | 15.65 | **15.75** |
| 86 | YTB014234 | PHẠM THỊ HẢI YẾN | 12/12/1998 | Nữ | | 2NT | Thái Bình | Huyện Tiền Hải | D340301 | A00 | 1 | 15.85 | **15.75** |
| 87 | NTH003938 | BÙI THỊ PHƯƠNG | 24/10/1998 | Nữ | | 2 | Quảng Ninh | Thị xã Quảng Yên | D340301 | A00 | 0.5 | 17.85 | **17.75** |
| 88 | KQH003778 | VƯƠNG THU HÀ | 18/06/1998 | Nữ | | 2 | Hà Nội | Huyện Đông Anh | D340301 | A00 | 0.5 | 15.5 | **15.5** |
| 89 | DTN000737 | NGUYỄN VĂN NGHĨA | 04/09/1998 | Nam | | 1 | Lai Châu | Thành Phố Lai Châu | D340301 | A00 | 1.5 | 15.3 | **15.25** |
| 90 | BKA011342 | NGUYỄN THU TRANG | 01/01/1998 | Nữ | | 3 | Hà Nội | Quận Hoàng Mai | D340301 | A00 | | 15.3 | **15.25** |
| 91 | THV002078 | ĐOÀN VĂN HỒNG | 04/05/1998 | Nam | | 1 | Phú Thọ | Huyện Phù Ninh | D340301 | A00 | 1.5 | 15.1 | **15** |
| 92 | MDA001991 | PHẠM THỊ HỒNG | 01/02/1998 | Nữ | | 2 | Ninh Bình | Huyện Hoa Lư | D340301 | A00 | 0.5 | 15.05 | **15** |
| 93 | TLA011081 | NGUYỄN THANH TRÀ | 23/03/1998 | Nữ | | 3 | Hà Nội | Quận Hà Đông | D340301 | A00 | | 14.95 | **15** |

HỌC VIỆN HẬU CẦN

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
# ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG DÂN SỰ NVBS ĐỢT 1 NĂM 2016

**- Thí sinh trúng tuyển nộp Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2016 trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Bộ phận Tuyển sinh, Học viện Hậu cần, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Tp. Hà Nội. ĐT: 069.695.115. Thời gian: Từ ngày 01/9/2016 đến 17h00 ngày 09/9/2016 (tính theo dấu bưu điện).**

**- Thí sinh nhận Giấy báo nhập học trực tiếp tại trường khi đến làm thủ tục nhập học (xem Thông báo nhập học tại Website: hocvienhaucan.edu.vn).**

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐT ƯT | KV ƯT | Hộ khẩu - Tên tỉnh | Hộ khẩu - Tên Quận huyện | Ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm ƯT | Tổng điểm | Điểm trúng tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 94 | TTB001500 | ĐỖ NGỌC LƯƠNG | 19/02/1998 | Nam | | 1 | Sơn La | Huyện Phù Yên | D340301 | A01 | 1.5 | 20.63 | **20.75** |
| 95 | HDT004259 | LÊ THỊ TRÀ GIANG | 05/09/1998 | Nữ | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Hậu Lộc | D340301 | A01 | 1 | 20.63 | **20.75** |
| 96 | HHA011193 | NGUYỄN THU NGÂN | 07/02/1998 | Nữ | | 2 | Hải Phòng | Huyện Vĩnh Bảo | D340301 | A01 | 0.5 | 19.58 | **19.5** |
| 97 | TDV015584 | NGUYỄN NGỌC MAI SƯƠNG | 27/10/1998 | Nữ | | 2NT | Nghệ An | Huyện Nam Đàn | D340301 | A01 | 1 | 18.83 | **18.75** |
| 98 | GHA006928 | LÊ HẢI YẾN | 16/09/1998 | Nữ | | 2NT | Bắc Ninh | Huyện Yên Phong | D340301 | A01 | 1 | 18.73 | **18.75** |
| 99 | HVN000667 | VŨ THỊ PHƯƠNG ANH | 16/08/1998 | Nữ | | 2 | Hải Dương | Thị xã Chí Linh | D340301 | A01 | 0.5 | 17.98 | **18** |
| 100 | HDT008222 | NGUYỄN THỊ HƯỜNG | 29/11/1998 | Nữ | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Yên Định | D340301 | A01 | 1 | 17.7 | **17.75** |
| 101 | DCN008962 | PHẠM THỊ NGOAN | 01/07/1998 | Nữ | | 2NT | Nam Định | Huyện Hải Hậu | D340301 | A01 | 1 | 17.83 | **17.75** |
| 102 | KHA000225 | NGUYỄN THỊ ANH | 18/03/1998 | Nữ | | 1 | Bắc Giang | Huyện Yên Dũng | D340301 | A01 | 1.5 | 17.38 | **17.5** |
| 103 | HDT018113 | TRẦN THỊ HUYỀN TRANG | 16/10/1998 | Nữ | | 1 | Thanh Hoá | Huyện Thọ Xuân | D340301 | A01 | 1.5 | 17.48 | **17.5** |
| 104 | MDA003864 | ĐINH THỊ KIỀU OANH | 24/11/1998 | Nữ | | 2 | Ninh Bình | Thành phố Ninh Bình | D340301 | A01 | 0.5 | 17.15 | **17.25** |
| 105 | NTH005042 | HỒ THỊ THANH TIÊN | 10/07/1998 | Nữ | | 2 | Quảng Ninh | Thành phố Cẩm Phả | D340301 | A01 | 0.5 | 17.08 | **17** |
| 106 | TQU001794 | PHẠM HỒNG NGỌC | 08/11/1998 | Nữ | | 1 | Tuyên Quang | Huyện Hàm Yên | D340301 | A01 | 1.5 | 16.25 | **16.25** |
| 107 | SPH009917 | NGUYỄN HUYỀN TRÀ | 08/03/1998 | Nữ | | 3 | Hà Nội | Quận Hoàn Kiếm | D340301 | A01 | | 16.35 | **16.25** |
| 108 | TLA009489 | TRẦN THỊ NGỌC QUỲNH | 01/04/1997 | Nữ | | 3 | Hà Nam | Huyện Lý Nhân | D340301 | A01 | | 15.88 | **16** |
| 109 | BKA007771 | ĐẶNG THỊ THẢO NGÂN | 24/12/1998 | Nữ | | 3 | Hà Nội | Quận Hai Bà Trưng | D340301 | A01 | | 15.8 | **15.75** |
| 110 | KHA002786 | NGHIÊM XUÂN HOÀNG | 01/09/1995 | Nam | | 1 | Bắc Giang | Huyện Lạng Giang | D580208 | A00 | 1.5 | 25.3 | **25.25** |
| 111 | NHH002035 | LÒ VĂN TÂM | 03/07/1997 | Nam | 01 | 1 | Điện Biên | Huyện Tuần Giáo | D580208 | A00 | 3.5 | 23.45 | **23.5** |
| 112 | BKA003779 | NGUYỄN THỊ THANH HIỀN | 22/11/1998 | Nữ | | 3 | Hà Nội | Quận Long Biên | D580208 | A00 | | 22.55 | **22.5** |
| 113 | THV004885 | LÊ ĐỨC THANH | 08/08/1998 | Nam | | 1 | Phú Thọ | Huyện Tam Nông | D580208 | A00 | 1.5 | 21.45 | **21.5** |
| 114 | KHA007345 | TOÀN VĂN TÍN | 17/02/1998 | Nam | 01 | 1 | Bắc Giang | Huyện Yên Thế | D580208 | A00 | 3.5 | 21.1 | **21** |
| 115 | DHS012075 | ĐÀO KHÁNH QUÂN | 07/10/1998 | Nam | | 1 | Hà Tĩnh | Huyện Lộc Hà | D580208 | A00 | 1.5 | 20.9 | **21** |
| 116 | BKA004074 | NGUYỄN NGỌC MINH HIẾU | 06/09/1998 | Nam | | 3 | Hà Nội | Quận Ba Đình | D580208 | A00 | | 19.95 | **20** |
| 117 | HVN004303 | CAO THÀNH HƯNG | 24/10/1998 | Nam | | 2 | Hải Dương | Thành phố Hải Dương | D580208 | A00 | 0.5 | 19.35 | **19.25** |

HỌC VIỆN HẬU CẦN

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
# ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG DÂN SỰ NVBS ĐỢT 1 NĂM 2016

**- Thí sinh trúng tuyển nộp Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2016 trực tiếp tại trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện theo địa chỉ: Bộ phận Tuyển sinh, Học viện Hậu cần, phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, Tp. Hà Nội. ĐT: 069.695.115. Thời gian: Từ ngày 01/9/2016 đến 17h00 ngày 09/9/2016 (tính theo dấu bưu điện).**

**- Thí sinh nhận Giấy báo nhập học trực tiếp tại trường khi đến làm thủ tục nhập học (xem Thông báo nhập học tại Website: hocvienhaucan.edu.vn).**

| STT | SBD | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | ĐT ƯT | KV ƯT | Hộ khẩu - Tên tỉnh | Hộ khẩu - Tên Quận huyện | Ngành trúng tuyển | Tổ hợp môn | Điểm ƯT | Tổng điểm | Điểm trúng tuyển |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 118 | HUI007230 | PHẠM ĐỨC NGHĨA | 10/07/1998 | Nam | | 2NT | Đồng Nai | Thành phố Biên Hòa | D580208 | A00 | 1 | 19 | **19** |
| 119 | HDT004797 | LÊ VĂN HẢI | 26/04/1998 | Nam | | 2 | Thanh Hoá | Thành phố Thanh Hóa | D580208 | A00 | 0.5 | 19 | **19** |
| 120 | HDT003712 | TRẦN VĂN ĐẠT | 09/07/1998 | Nam | | 2NT | Thanh Hoá | Huyện Nông Cống | D580208 | A00 | 1 | 18.65 | **18.75** |
| 121 | NLS007039 | TRẦN VĂN TOÀN | 01/01/1998 | Nam | | 1 | Gia Lai | Huyện Ia Grai | D580208 | A00 | 1.5 | 17.95 | **18** |
| 122 | TDV021231 | VI THÀNH VINH | 05/09/1998 | Nam | 01 | 1 | Nghệ An | Huyện Tân Kỳ | D580208 | A00 | 3.5 | 16.65 | **16.75** |
| 123 | KQH015461 | NGÔ XUÂN TÙNG | 23/10/1998 | Nam | | 2 | Hà Nội | Huyện Đông Anh | D580208 | A00 | 0.5 | 15.9 | **16** |
| | | **II. CAO ĐẲNG DÂN SỰ** | | | | | | | | | | | |
| 124 | TLA010319 | LƯƠNG CHIẾN THẮNG | 23/12/1998 | Nam | | 3 | Hà Nội | Quận Hoàng Mai | C340201 | A00 | | 14.6 | **14.5** |
| 125 | TTN002227 | LÊ VĂN DƯƠNG | 09/04/1997 | Nam | | 1 | Đắk Lắk | Huyện Ea Kar | C340201 | A00 | 1.5 | 13.25 | **13.25** |
| 126 | THV000056 | ĐÀO NGỌC ANH | 30/06/1998 | Nữ | | 2 | Phú Thọ | Thị xã Phú Thọ | C340201 | D01 | 0.5 | 11.13 | **11.25** |
| 127 | Xét học bạ | NGUYỄN VĂN SÂM | 13/06/98 | Nam | | | Hải Dương | Huyện Nam Sách | C340201 | | | | |
| 128 | SPH003626 | NGUYỄN NGỌC HIẾU | 25/10/1996 | Nam | | 3 | Hà Nội | Quận Ba Đình | C340301 | A00 | | 14.25 | **14.25** |
| 129 | SPH010427 | NGÔ VIỆT TRUNG | 28/03/1998 | Nam | | 3 | Hà Nội | Quận Long Biên | C340301 | D01 | | 12.55 | **12.5** |
| 130 | SPH008955 | NGUYỄN TIẾN THÀNH | 03/08/1997 | Nam | | 3 | Hà Nội | Quận Cầu Giấy | C340301 | D01 | | 12.38 | **12.5** |
| 131 | Xét học bạ | HOÀNG THỊ PHƯƠNG | 16/01/1998 | Nữ | | | Thái Bình | Huyện Hưng Hà | C340301 | | | | |
| 132 | Xét học bạ | NGÔ MINH ĐẠT | 01/01/1998 | Nam | | | Thái Bình | Huyện Thái Thụy | C340301 | | | | |